

Phụ lục:

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT TẠM THỜI
ÁP DỤNG TRONG DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG:
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT - BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-BNN-KN ngày..... tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I/- MÔ HÌNH: TRỒNG THÂM CANH CỎ LÀM THỨC ĂN CHĂN NUÔI

1. Phần giống, vật tư: *(mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)*

Đơn vị tính cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
I	Giống cỏ			
	- Trồng bằng hom	tấn hom	3,5	
	- Trồng bằng hạt	kg	12,0	
II	Vật tư			
1	Phân đạm nguyên chất (N)			
	- Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	kg	250	
	- Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	kg	200	
2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	80	
3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	100	
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.500	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng

2. Phần triển khai:

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	9	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình	Lần	01	1 ngày
2.2	Tập huấn nhân rộng mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	6-10	

II/- MÔ HÌNH: CHẾ BIẾN CỎ BẰNG PHƯƠNG PHÁP Ủ CHUA

1. Phần vật tư, nguyên liệu: (mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
I	Cỏ tươi làm nguyên liệu	kg	1000	Lượng cỏ tươi theo quy mô ủ
II	Vật tư			
1	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	kg	30	
2	Muối ăn	kg	5	
3	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)			
	Bạt giải bể ủ/hố ủ	m ² /tấn cỏ tươi	8	
4	Túi ủ (nếu ủ bằng túi)			
	Túi nilon ủ: rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	2	

2. Phần triển khai:

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	5	
2	Tập huấn trong mô hình	Lần	01	01 ngày
3	Tập huấn ngoài mô hình	Ngày/lớp	02	
4	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	Tấn cỏ tươi	20 - 50	

III/- MÔ HÌNH: TRỒNG THÂM CANH CHÈ TRUNG DU, PH1 TẠI CÁC TỈNH PHÍA BẮC

1. Phần giống, vật tư: (mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

Đơn vị tính cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
Năm thứ nhất	Giống			
	- Giống trồng mới	bầu	22.000	
	- Giống trồng dặm (5%)	bầu	1.100	
	- Cây che bóng	cây	200	
	Vật tư			
	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	82	
	- Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	110	
	- Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	72	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
	- Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.000	
Chăm sóc năm thứ hai	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	110	
	- Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	48	
	- Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	66	
	- Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
	- Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	1.500	
Chăm sóc năm thứ ba	- Phân đạm nguyên chất (N)	kg	138	
	- Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	56	
	- Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	84	
	- Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	2.000	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	Thực hiện 3 năm
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình (Năm thứ nhất, thứ hai)	lần/năm	01	01 ngày/lần
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	≤05	Không quá 09 tháng/năm

IV/- MÔ HÌNH: THÂM CANH CHÈ THEO HƯỚNG VIETGAP

1. Phần vật tư: (mức hỗ trợ cho các vùng miền theo quy định hiện hành)

Đơn vị tính cho 01 ha/năm

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Phân đạm nguyên chất (N)	kg	276	
2	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	112	
3	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	180	
4	Phân hữu cơ vi sinh	kg	3.000	
5	Phân sinh học	kg	25	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	2.000	

* Phân bón đạm, lân, ka li nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỉ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	09	Thực hiện 3 năm liên tiếp
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn trong mô hình	lần/năm	01	01 ngày/lần
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	≤05	Không quá 09 tháng/năm